

Đọc lại những bài Thi điều của Ni trưởng Huỳnh Liên

ISSN: 2734-9195 09:05 05/01/2026

Đọc những bài thơ, bài văn trong tập Đóa sen thiêng của Ni trưởng có thể thấy bút lực của Người thật dồi dào và chững chạc. Cho dù viết về đề tài nào thì thi hứng của Ni trưởng cũng luôn dạt dào tuôn chảy trên trang giấy, thấm từng dòng thơ, câu văn.

Tác giả: **PGs Ts Nguyễn Công Lý**

Nguyên Giảng viên cao cấp Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG Tp.HCM

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 01/2026

1. **Ni trưởng Thích Nữ Huỳnh Liên** thế danh là Nguyễn Thị Trừ, quê quán ở làng Phú Mỹ, Mỹ Tho, tỉnh Định Tường (nay là Mỹ Tho, Tiền Giang), sinh ngày 19/03/Quý Hợi (1923); viên tịch ngày 19/03/Đinh Mão (1987). Sự trùng hợp về ngày tháng sinh và ngày tháng mất là một sự ngẫu nhiên hay nhân duyên đã được sắp đặt từ trước?



Ni trưởng xuất thân trong một gia đình làm nông, có học thức, thấm nhuần Phật pháp, song thân đều quy y thọ giới, cả nhà đều là Phật tử tại gia. Năm 24 tuổi, khi cơ duyên đã chín muồi, ngày mùng Một tháng Tư năm Đinh Hợi (1947), Ni trưởng xuất gia tu học tại Linh Bửu tự ở Mỹ Tho, và trở thành Trưởng nữ đệ tử của Tổ sư Minh Đăng Quang - vị Tổ khai sáng Hệ phái Khất Sĩ (HPKS) ở Việt Nam

với tông chỉ “Nối truyền Thích Ca chính pháp”.

Năm 1957, Ni trưởng cho xây dựng Tịnh xá Ngọc Phương tại địa chỉ 498/1 đường Lê Quang Định, trụ trì ở đây cho đến ngày tịch diệt. Đây là ngôi Tổ đình của Ni giới Hệ phái Khất sĩ (nguyên là Giáo hội Khất sĩ Ni giới Việt Nam), và là trụ sở Trung ương Hệ phái của hơn 300 ngôi Tịnh xá ở khắp ba miền đất nước.

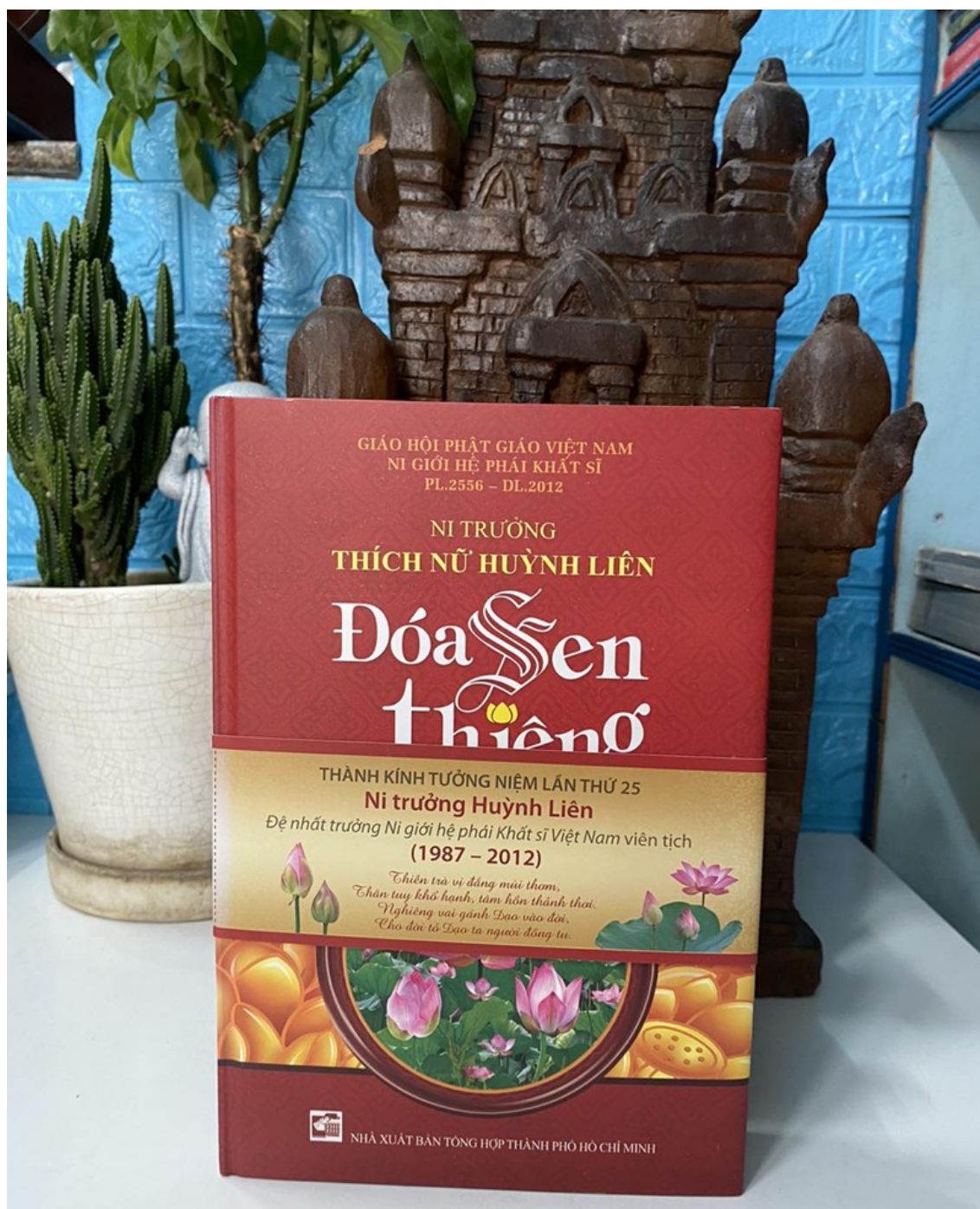
Ni trưởng không chỉ là vị giáo phẩm lãnh đạo Ni giới Hệ phái Khất sĩ Việt Nam với cương vị Đệ nhất Ni giới của hệ phái, mà còn là nhà hoạt động xã hội có nhiều ảnh hưởng đối với đời sống cộng đồng xã hội ở miền Nam trước và sau năm 1975. Từ năm 1948, Ni trưởng được suy cử là Trưởng Ni giới Hệ phái Khất sĩ Việt Nam. Từ năm 1966 đến năm 1975, Ni trưởng lãnh đạo các phong trào đấu tranh vì hòa bình tại Sài Gòn. Năm 1971, Ni trưởng là Cố vấn Phong trào Phụ nữ đòi quyền sống. Cuối tháng tư năm 1975, miền Nam được giải phóng, thì cuối năm 1975, Ni trưởng là thành viên Hội nghị Hiệp thương Chính trị thống nhất Tổ quốc. Ngày 25/04/1976, tại cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên của nước Việt Nam thống nhất, Ni trưởng được bầu làm Đại biểu Quốc hội khóa VI (nhiệm kỳ 1976-1981). Năm 1976, Ni trưởng được cử giữ chức Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam TP.HCM; Phó Chủ tịch Ủy ban Bảo vệ Hòa bình thế giới TP.HCM. Tháng 11/1981, tại Đại hội thống nhất Phật giáo ba miền, Ni trưởng được suy cử giữ chức Ủy viên Kiểm soát HĐTS - GHPGVN.

Lúc 16 giờ 20 phút ngày 19/03/Đinh Mão (16/04/1987) Ni trưởng an nhiên thị tịch, cao đăng Phật Quốc.

Hơn sáu mươi năm sống nơi cõi tạm, bên cạnh hành đạo và xiển dương Phật pháp, thì Ni trưởng còn là nhà hoạt động xã hội khá nổi tiếng. Bản thân tôi trước 1975, có mấy năm sống và học tập tại Sài Gòn, tôi đã nghe kể lại nhiều hoạt động xã hội của Ni trưởng và có lần được mục kích sở thị về hoạt động này. Hồi ấy Ni trưởng cùng Luật sư Ngô Bá Thành là hai nhân vật tiêu biểu, nổi tiếng tích cực trong phong trào đấu tranh ở Sài Gòn Gia Định, để sau ngày giải phóng, tại cuộc Tổng tuyển cử bầu Đại biểu Quốc hội năm 1976 thống nhất hai miền, thì cả hai vị đều trúng cử Đại biểu Quốc hội. Những hoạt động trong phong trào đấu tranh này của Ni trưởng và những người cùng chí hướng đều vì hòa bình, vì chính nghĩa, đòi quyền sống, quyền bình đẳng, quyền mưu cầu hạnh phúc của con người, mà hôm nay, chúng ta gọi chung là phong trào đấu tranh vì Nhân quyền, đấu tranh vì Nữ quyền.

2. Về tác phẩm, bên cạnh dịch nghĩa ra văn vần một số kinh tụng giúp cho người tu học dễ thuộc dễ nhớ như Kinh Tam bảo, Tinh hoa bí yếu..., và sách viết ra nhằm quảng bá giáo lý nhà Phật như Tuyển tập Pháp, Chuyển du hành miền Trung, Nàng Tiên Đức Hạnh - Đức Hương, thì Ni trưởng còn sáng tác thơ văn với

nhiều thể loại khác nhau, tất cả được đệ tử của Hệ phái sưu tập rồi in trong tập Đóa sen thiêng, theo cảm nhận của tôi, đều là những sáng tác đạt chất lượng nghệ thuật từ hình thức thi luật, thi pháp đến nội dung thể hiện đều thấm đậm đạo vị.



(Ảnh: Internet)

Về tuyển tập, ngoài Lời nói đầu, Lời giới thiệu do **Hòa thượng Thích Giác Toàn** viết, Thay lời tặng biệt của Giáo sư Thuận Phong và Cảm tưởng khi đọc tập thơ của Ni trưỡng Thích Nữ Huỳnh Liên của Giáo sư Hoàng Như Mai viết, thì tuyển tập Đóa sen thiêng (1) nếu tính luôn 10 bài tự thuật theo thể thất ngôn tứ tuyệt viết về mình và cũng là dành tặng các cô gái xuất gia và 01 bài thất ngôn

tứ tuyệt để ảnh chân dung, thì tập thơ văn của Ni trưởng có 492 bài, trừ đi 11 bài vừa nêu trên thì còn 481 bài mà người sưu tập biên soạn đã phân loại như sau: thơ lục bát 46 bài, thơ song thất lục bát 50 bài, thơ song thất biến thể 38 bài, thơ thất ngôn bát cú Đường luật 204 bài thơ thất ngôn tứ tuyệt, Đường luật 71 bài, thi điệu 18 bài, thơ tứ tự 08 bài, thơ ngũ ngôn 28 bài, phú 05 bài, văn tế 13 bài. Ở đây, người sưu tập đã phân chia các bài vừa theo thể, vừa theo loại và lại vừa theo chức năng của tác phẩm.

Thơ văn của Ni trưởng là những sáng tác đạt chất lượng nghệ thuật từ hình thức thi luật đến nội dung thể hiện, thấm đậm đạo vị. Ngôn ngữ thơ văn của Ni trưởng thường trong sáng, nhuần nhuyễn, biểu cảm, giúp người đọc dễ hiểu và dễ tiếp nhận.

Những bài thơ lục bát đọc lên nghe mượt mà, dễ nhớ bởi người viết đã tuân thủ những quy định của thể loại về âm luật và cách gieo vần; nhịp điệu thì thường linh hoạt, phần nhiều là nhịp truyền thống 2/2... ở các câu, thi thoảng dùng nhịp 3/3 ở câu lục, nhịp 3/3/2 hay 4/4 ở câu bát.

Thơ song thất lục bát và song thất biến thể với những bài thơ đọc lên êm tai, nhịp nhàng, vần điệu hài hòa, thi thoảng có dùng phép đối ngẫu ở câu song thất.

Thơ Đường luật thất ngôn tứ tuyệt và thất ngôn bát cú là hai thể thơ mà Ni trưởng đã sử dụng để sáng tác nhiều nhất, có đến 204 bài thất ngôn bát cú và 71 bài tứ tuyệt, chiếm tỷ lệ quá bán tổng số bài trong tập Đóa sen thiêng.

Thể (Lối) Biền văn (Văn biền ngẫu) thì Ni trưởng đã sáng tác 05 bài Phú và 13 bài Văn tế. Đây là thể (lối) văn khó viết đối với các thể hệ thời hiện đại, bởi chúng đòi hỏi những yêu cầu mang tính chất nghiêm ngặt và quy phạm của thể loại về kết cấu toàn bài, về cách đặt các kiểu câu trong từng phần (câu tứ tự, câu bát tự, câu song quan, câu cách cú, câu hạc tất), về sử dụng tiếng (chữ) đậu ở cuối mỗi nhịp trong từng vế câu sao cho hài hòa luật bằng trắc và cách gieo vần trong bài (phóng vận hay hạn vận) và nhất là phép đối xứng trong từng câu với hai vế (hai liên) trong văn biền ngẫu buộc phải đối nhau.

Ni trưởng đã vượt thoát những yêu cầu nghiêm ngặt, quy phạm đó một cách dễ dàng, kể cả những bài phú hạn vận. Đọc qua năm bài phú và mười ba bài văn tế, tôi chưa thấy bài nào bị vấp lỗi về hình thức của thể loại.

3. Ở đây tập trung giới thiệu những bài Thi điệu của Ni trưởng. Nói là 'đọc lại' vì trước đây đã lâu, tôi có dịp đọc toàn bộ thơ văn của Ni trưởng rồi.

Tập **Đóa sen thiêng** có 18 bài Thi điều. Đây là những bài thơ viết ra để phúng viếng, bày tỏ sự xót thương, nuối tiếc của người viết đối với người đã khuất (điều có nghĩa là thương xót). Về nội dung thì Thi điều có cùng nội dung với bài Văn tế, nhưng về hình thức thì có khác, bởi văn tế viết theo lối biên văn, thường là theo thể phú Đường luật (cũng có khi văn tế được viết theo lối/thể văn khác như lối tán, lối thơ song thất lục bát, lối tản văn) với những quy định về kết cấu, về các kiểu câu, nhịp, vần, thì Thi điều được viết bằng thơ (lục bát, song thất lục bát, Đường luật bát cú hay tứ tuyệt hoặc luật thi) và dĩ nhiên khi sử dụng thể thơ nào thì người viết phải tuân thủ những quy định của thể loại đó.

Trong 18 bài đó, Ni trưởng đã viết ba bài về Cố Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Thủ:

Bài thơ Phảng phát tôn dung gồm ba bài thất ngôn tứ tuyệt Đường luật được Ni trưởng với tư cách là Học Ni tại Viện Vạn Hạnh khi xưa, viết lúc Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Thủ, Đệ nhất Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam viên tịch ngày mừng Hai tháng Tư năm Giáp Tý (1984):

Cội lành xiêu đổ bóng lành nghiêng,

Võ ổ đàn chim náo động liền.

Chú chít vang vầy kêu chốn chốn,

Dập dìu quy tụ gốc thiêng liêng.

Phước địa Thừa Thiên chưởng gốc lành,

Vườn thiền Gia Định ngát hương thanh.

Tặng Ni thành thực vàng, lam quả,

Thiện tín chi lan phước, lộc lành.

Bổng chốc vùng trăng lặn núi Tây,

Ngàn sao nhấp nháy lệ hoen đầy.

Trung Nam tỉnh quận Già Lam cảnh,

Phảng phát còn in bóng dáng Thầy.

(Học Ni Viện Vạn Hạnh - 716 Võ Duy Nguy - Phú Nhuận (2))

Bài Thuyên con sóng cả theo thể thất ngôn bát cú Đường luật được Ni trưởng viết để Kính điệu Hòa thượng Thích Trí Thủ lúc Ngài vừa viên tịch:

*Báu chất đầy non chẳng sánh bằng,
Phong quang đức độ bóng hiền tăng.
Một đời hóa chúng nêu từ hạnh,
Nửa kỷ hoằng dương hóa tuệ đăng.
Quốc tế hòa bình soi ngọn đuốc,
Việt Nam thống nhất rạng vùng trăng.
Thuyền con sóng cả người xa vắng,
Thắm ngập sâu tràn hết nói năng.*

Ngày 02/04/1984



Hình mang tính minh họa. Nguồn: Internet

Bài Nghĩa cả chưa đến theo thể thất ngôn bát cú Đường luật được Ni trưởng viết để tưởng niệm **Cố Hòa thượng Thích Trí Thủ**:

*Một kiếp công phu để lại gì,
Đại hùng, đại lực, đại từ bi.
Năm châu hội nghị nêu công lý,
Tứ xứ truyền thừa giảng luật nghi.
Hạnh lớn quy từng hàng thiện tín,*

Mầm non giáo dưỡng chúng Tăng Ni.

Thái Sơn vọi vọi chưa đèn đáp,

Mỗi mắt trông chờ cánh hạc phi.

Bài Điếu Cố Hòa thượng Thích Thiện Hoa được Ni trưởng viết theo thể thất ngôn bát cú Đường luật để tỏ bày niềm kính tiếc ngời ca công hạnh của Hòa thượng Viện trưởng Viện Hóa Đạo - Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất lúc Ngài viên tịch (hai mươi tháng Chạp năm Nhâm Tý, tức 23/01/1973):

Tiếng sét vang tai dội cửa Thiền,

Tin Thầy viên tịch đất trời nghiêng.

Bồ đề gió giật cành ưu gãy,

Bát nhã mây vờn bóng nguyệt chen.

Ánh mắt hòa bình sông một khúc,

Trái tim hóa giải nước đôi miền.

Chim câu sập sập người xa vắng,

Giọt ngọc đồng tình kết cánh sen.

Thi điếu Dì Út là bài thơ khóc người dì thân yêu của Ni trưởng với đầm đìa nước mắt y như nước sông Vàm Cỏ dào dạt tuôn chảy. Bài thơ được mở đầu bằng câu thơ phá cách chỉ có sáu tiếng, với lời gọi thống thiết đến bàng hoàng, lặp lại hai lần, chẳng khác nào khi xưa vua Tự Đức thẳng thốt khóc bà phi vừa tạ thế “Ơi Thị Bằng ơi! Đã mất rồi”:

Dì Út ơi! Dì Út ơi!

Ngàn thu hai ngả tự đây rời.

Bệnh tình trước chẳng tài chuyên trị,

Tử biệt nay thôi ngọc rụng rời.

Hiền dịu hương thơm mùi bát ngát,

Sáng thông nguyệt rạng bóng chơi vơi.

Nước sông Vàm Cỏ bao nhiêu sóng,

Dào dạt bao nhiêu lệ sụt sùi.

Còn đây là bài thơ Điếu Sư bà Trung Liên, một đồng đạo:

Sư bà Trung ơi! Sư bà ơi!

Cánh hạc tiêu diêu mất dạng rồi.

Để nhớ để thương tình cảm kính,

Để buồn để khóc cảnh chia phôi.

Ba mươi đông hạ làm tôi Phật,

Chín chục xuân thu hưởng lộc Trời.

Một bước chia ly ngàn xúc động,

Non cao, biển rộng với sông dài.

Bài Điếu bà Ngọc Hòa là một phật tử thiết thân của Ni trưởng:

Mất một người thân não tẩm lòng,

Não lòng phút chốc sắc hườn không.

Không nên quạnh quẽ phần đen bạc,

Bạc đức bù ngùi nghĩa thủy chung.

Trên đây là những bài Thi điếu được viết theo thể thơ Đường luật, hầu hết là thể thất ngôn bát cú, bên cạnh Ni trưởng còn viết theo thể lục bát (bài Thi điếu phật tử Trần Công Định), thể thất ngôn gồm nhiều khổ mỗi khổ bốn câu, với niêm luật y như bài tứ tuyệt (Kiếp tu duyên - Tặng Sư bà Hải Liên; Lạc bước rừng mê - Tặng sư cô Liên Sắc; Đức trở huê - Thi điếu Sư bà Trục Liên; Thi điếu bà Năm Đình Phạm Thị Huệ; Một cánh hoa bay - Kính điếu bà Đào Thị Sót; Cánh hạc tình thơ - Điếu bà Luật sư Nguyễn Long; Thi điếu bà An Ngọc Lâm Thị Diễm), và một bài thể ngũ ngôn Để nhớ Huệ Phục gồm 13 khổ, mỗi khổ bốn câu với niêm luật như một bài ngũ ngôn tứ tuyệt, viết về em bé mồ côi kháu khỉnh và khả ái ở Viện Mồ côi tại Tịnh xá Ngọc Phương.

Tất cả theo tôi, đều là những áng thơ hay, đạt chất lượng về hình thức nghệ thuật lẫn nội dung tư tưởng, giàu lòng nhân ái.

Lời kết

Đọc những bài thơ, bài văn trong tập Đóa sen thiêng của Ni trưởng có thể thấy bút lực của Người thật dồi dào và chững chạc. Cho dù viết về đề tài nào thì thi hứng của Ni trưởng cũng luôn dạt dào tuôn chảy trên trang giấy, thấm từng dòng thơ, câu văn.

Chỉ khoảng gần ba trăm bài thơ viết theo thể thất ngôn bát cú và thất ngôn tứ tuyệt Đường luật với kết cấu đề thực luận kết của bài bát cú và khai thừa chuyển hợp của bài tứ tuyệt, cùng niêm luật vẫn đối rất chuẩn mực mà thể thơ đòi hỏi. Bàn về đề tài này, Ni trưởng xứng đáng ngồi ở chiếu đầu, bàn đầu trên thi đàn thơ Đường luật Việt Nam thời hiện đại, ngồi cùng chiếu cùng mâm với cố thi sĩ Quách Tấn, cố nữ sĩ Ngân Giang thì cũng không có gì để băn khoăn.

Với 05 phú và 13 văn tế, người đọc sẽ cảm nhận được một văn bút chững chạc với câu văn biến ngẫu đối nhau hô ứng nhịp nhàng, âm điệu hài hòa, lay động lòng người.

Riêng với 18 bài Thi điệu, người đọc sẽ bắt gặp tấm lòng và tình cảm sâu đậm của Ni trưởng đối với các bậc Ân sư, cao tăng thạch đức; tình cảm đối với đồng đạo, với đệ tử, với phật tử thật dạt dào, bao la và bao dung, đậm tình thấm nghĩa.

Nói chung là tấm lòng nhân hậu, nhân ái đầy tình nghĩa đều được thể hiện rõ nét trong các sáng tác của Ni trưởng thông qua phong cách ngôn ngữ văn chương nhuần nhuyễn, trong sáng, mộc mạc, chân chất và truyền tải Đạo một cách rất Đời mà cao khiết.

Tác giả: **PGs Ts Nguyễn Công Lý**

Nguyên Giảng viên cao cấp Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG TP.HCM

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 01/2026

Chú thích:

(1) *Ni trưởng Thích Nữ Huỳnh Liên. Đóa sen thiêng, NXB Tổng hợp TP.HCM, in lần thứ 2, 2012. Những dẫn chứng trong bài viết đề lấy từ tập này.*

(2) *Hiện nay là Thiền viện Vạn Hạnh, số 750 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM (NCL ghi chú)*

Tài liệu tham khảo:

Ni trưởng Thích Nữ Huỳnh Liên. Đóa sen thiêng, NXB Tổng hợp TP.HCM, in lần thứ 2, 2012.